

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST
Ngày 26-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Lưu.

Ông Đinh Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1985 tại huyện Yên T, tỉnh Bắc G. Nơi cư trú: thôn Bo N, xã Hương V, huyện Yên T, tỉnh Bắc G; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị M; có vợ là Đinh Thị T, chưa có con; không tiền án, tiền sự; bị cáo bị tạm giam từ ngày 24 tháng 12 năm 2019 đến nay; Có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1992 tại huyện Yên T, tỉnh Bắc G. Nơi cư trú: thôn Đền A, xã Đông S, huyện Yên T, tỉnh Bắc G; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; chưa có vợ, con; không tiền án; tiền sự: Ngày 18/12/2014 bị Công an huyện Yên T, tỉnh Bắc G xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (chưa nộp phạt); bị cáo bị bắt, tạm giam theo Quyết định truy nã từ ngày 02/01/2020 cho đến nay; Có mặt.

3. Nguyễn Văn H, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1992 tại huyện Yên T, tỉnh Bắc G. Nơi cư trú: thôn Đền A, xã Đông S, huyện Yên T, tỉnh Bắc G; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H và bà Lương Thị H; chưa có vợ, con; không tiền án, tiền sự; nhân thân: Ngày 19/02/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố C Nguyên, tỉnh C Nguyên xử phạt 03 tháng 10 ngày tù giam về tội Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt, tạm giam theo Quyết định truy nã từ ngày 19/12/2019 cho đến nay; Có mặt.

4. Trần Văn S, sinh ngày 26 tháng 2 năm 1998 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản Thịnh L, xã Tân L, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị G; có vợ là Lương Thị N và 01 con, sinh năm 2017; không tiền án, tiền sự; bị cáo bị bắt, tạm giam theo Quyết định truy nã từ ngày 19/12/2019 cho đến nay; Có mặt.

5. Vũ Văn V, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1998 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu x thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Vũ Văn Y và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; không tiền án; tiền sự: Ngày 12/02/2020 bị Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 2.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác (đã nộp phạt); bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 03/3/2020 cho đến nay; Có mặt.

* Bị hại: Nguyễn Văn B, sinh năm 1995; Địa chỉ: thôn Phú Khê, xã Quế N, huyện Tân Y, tỉnh Bắc G. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: thôn Bo N, xã Hương V, huyện Yên T, tỉnh Bắc G. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Tiểu khu X thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Ông Nguyễn An B và bà Nguyễn Thị G; Địa chỉ: bản Thịnh L, xã Tân L, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Bà Đinh Thị V; Địa chỉ: Tiểu khu Y thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

* Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị F, sinh năm 2000; Địa chỉ: Xóm Hạnh P, xã Nghĩa H, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Anh Cầm Thanh L, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tiểu khu X thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tiểu khu Y thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1998; Địa chỉ: bản Ngã B, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và Trần Văn S bàn bạc thuê Nguyễn Văn H quản lý và đưa đón nhân viên nữ cho các quán hát karaoke trên địa bàn thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, thuê nhà trọ tại Tiểu khu 4 thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi làm ăn, nhóm của Nguyễn Văn D và nhóm của Nguyễn Bá T (tên thường gọi là K “H”) có mâu thuẫn và cạnh tranh với nhau, ngày 10/8/2019, Nguyễn Văn D điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Aveo màu đen BKS 98A-094.21 chở theo Nguyễn Văn T đến huyện

Phù Yên, tỉnh Sơn La sau đó đi gặp Trần Văn S và Nguyễn Văn H. Khi gặp nhau, D, T, H, S đi uống bia, sau khi uống bia, nhóm của D rủ nhau đi hát karaoke, đi đến đoạn ngã ba Hải Soái (thuộc thị trấn Phù Yên) có gặp nhóm của Nguyễn Bá T và xảy ra xích mích, lúc này có Vũ Văn V và Nguyễn Ngọc Q cũng có mặt. Khoảng hơn 02h ngày 11/8/2019, V, S, Q về phòng trọ của S còn D, T, H điều khiển xe ô tô xuống trước của quán karaoke Minh Quân rồi Nguyễn Văn D mở cửa xe lấy 01 gậy bóng chày đưa cho T, 01 bình xịt hơi cay đưa cho H và gọi điện cho S bảo mang kiếm xuống chỗ mình để chuẩn bị đánh nhau. S nghe vậy liền bảo V và Q đi nghỉ, còn mình đi xuống chỗ D và không mang theo gì. Sau khi S đi, V thấy lo lắng cho S nên vào phòng S cầm theo 01 kiếm và 01 phớt cùng Q xuống quán karaoke Minh Quân, T thấy V và Q rồi vậy vào hỏi mượn kiếm, phớt thì V nói nhóm K H đông nếu đánh nhau thì chỉ 70/30 thôi, V đồng ý đưa kiếm và phớt cho T rồi đi về. S khi xuống gặp D không mang theo gì, D bảo S về lấy kiếm, S về phòng trọ lấy 01 kiếm xuống đưa cho D, sau đó, D, H, T, S lên xe ô tô đi tìm nhóm của K H để đánh. D điều khiển xe ô tô và để kiếm trước vô lăng sau kính chắn gió, T cầm kiếm vừa mượn của V rồi đưa phớt cho S, H cầm gậy bóng chày. Tất cả đi đến đoạn đường gần khách sạn Hoàng Gia (thuộc thị trấn Phù Yên) thì D nhìn thấy Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị F đang đi bộ trên vỉa hè, hướng ngược lại, D hỏi S có phải đây là người của nhóm K H không, S nói “phải”, D lái xe quay lại rồi đỗ trước mặt B và F, bảo mọi người trên xe xuống xe đánh. T cầm kiếm, H cầm gậy bóng chày, bình xịt hơi cay, S cầm phớt cùng xuống xe, H đánh vào lưng, vai trái, chân trái của B, T dùng sống kiếm đánh vào chân trái, lưng phải của B khiến B ngã xuống nằm dưới vỉa hè, Nguyễn Thị F chạy vào xin can. Khi đó có Cầm Thanh L điều khiển xe máy đến đón B và F thì nhìn thấy B bị đánh. D thì thấy L đi xe nên gọi H, T, S lên xe ô tô. Thấy L đi lên hỏi” chúng mày làm gì đấy”, H liền cầm gậy bóng chày đuổi đến chỗ L, L bỏ chạy. H quay lại cùng T, S lên xe D đi theo Quốc lộ 37 hướng về phía Hà Nội. Khi đi đến ngã ba Mường Tấc thì bị một nhóm thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ đuổi theo ném gạch, đá vào xe ô tô của D làm vỡ kính ghé lái phụ và rách da vùng đầu bị can S, D đưa S đi băng bó vết thương, các bị cáo đã rút kiếm, phớt, bình xịt hơi cay trên đường đi. Nguyễn Văn B sau khi bị đánh thì được Cầm Thanh L và Nguyễn Thị F đưa vào Bệnh viện đa khoa Phù Yên để điều trị.

Ngày 19/8/2019, Nguyễn Văn B có đơn trình báo Công an huyện Phù Yên về sự việc xảy ra.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn S, Vũ Văn V về Tội cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Đề nghị tuyên các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích quy định tại điểm đ khoản 2 điều 134 BLHS 2015;

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 38, 58 (đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H) Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn D: từ 30 đến 36 tháng tù giam.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn T: từ 24 đến 30 tháng tù giam.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn H: từ 24 đến 30 tháng tù giam.

Phạt bị cáo Vũ Văn V: từ 24 đến 30 tháng tù giam.

Áp dụng điểm đ, Khoản 2, Điều 134, điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, 38, 54, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn S: từ 18 đến 24 tháng tù giam.

- Hình phạt bổ sung: đề nghị HĐXX không áp dụng.

- Bồi thường trách nhiệm dân sự: căn cứ vào điều 585, 586, 587, 588, 589, 590 bộ luật dân sự 2015, sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại chấp nhận việc bồi thường của các gia đình bị cáo cho bị hại số tiền là 50 triệu đồng.

** Về vật chứng của vụ án:*

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp bìa cát tông được dán kín niêm phong bên trong đựng một chiếc gậy bóng chày bằng kim loại, lớp sơn ngoài màu xám, dài 63,5cm đường vòng đầu gậy 16cm, đầu gậy hơi lồi.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại NOKIA 1280 vỏ màu đen, số seri 354581057168453, mặt sau điện thoại có nhiều vết trầy xước, kèm theo một sim số 0378514100, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) phong bì thư niêm phong của công an huyện Phù Yên bên trong đựng 01(một) chiếc điện thoại IPHONE 7 Plus màu đen, số IMEL353807081544406, mặt sau điện thoại có nhiều vết trầy xước, kèm theo một sim 0818181599, cũ đã qua sử dụng, tạm giữ của Trần Văn S.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D: 01 (một) chiếc điện thoại hiệu IPHONE 6 màu trắng bạc, có số IMEL 35440806048298, mặt sau có nhiều vết xước, kèm theo một sim 0913854599; 01 (một) chiếc điện thoại hiệu NOKIA 1280 vỏ màu đen, số seri 356676059467925, mặt sau điện thoại có nhiều vết trầy xước, chữ của bàn phím đã bị mờ, kèm theo một sim số 0982418599, cũ đã qua sử dụng.

Hiện nay các vật chứng đang tạm giữ theo quy định của pháp luật.

** Về án phí:* Đề nghị áp dụng khoản 1, 2 điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, khoản 1 điều 23, điểm a khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn S, Vũ Văn V mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ vào điều 292, điều 293 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Ngày 11/8/2019, các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H đã có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác, Trần Văn S và Vũ Văn V có hành vi giúp sức. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ như:

[3] Biên bản khám nghiệm hiện trường lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 19/8/2019 tại khối 12 (nay là tiểu khu 6) thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

[4] Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 192/TgT ngày 15/10/2019 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh Sơn La đối với Nguyễn Văn B kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- *Sẹo vết thương phần mềm cẳng chân trái, kích thước (02 x 0,3)cm (xếp: 01%).*
- *Sẹo vết thương phần mềm cẳng chân trái, kích thước (3,5 x 0,5)cm (xếp: 02%).*
- *Gãy đầu dưới xương mác trái, hạn chế nhẹ khớp cổ chân, sau tháo bột (xếp:09%).*

Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 16/6/2014 của Bộ Y Tế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 11,71% (Làm tròn số là: 12%).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12% (Mười hai phần trăm).

3. Cơ chế hình thành thương tích: Chấn thương gãy đầu dưới xương mác trái của Nguyễn Văn B là do tác động trực tiếp của vật tày cứng lên vùng cẳng chân trái gây nên./.”

[5] Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 chiếc gậy bóng chày bằng kim loại, lớp sơn ngoài màu xám, dài 63,5cm đường vòng đầu gậy 16cm, đầu gậy hơi lồi; 01 điện thoại Iphone 6 kèm 01 sim 0913854599; 01 điện thoại Nokia 1280 kèm 01 sim 0982418599; 01 điện thoại Nokia 1280 kèm 01 sim 0378514100; 01 điện thoại Iphone 7 Plus kèm 01 sim 0818181599.

[6] 01 USB 4GB nhãn hiệu Kingston chứa dữ liệu trích xuất từ camera ghi lại quá trình bàn bạc, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội của các bị cáo tại trước cửa quán karaoke Minh Quân vào ngày 11/8/2019 trước khi đi đánh gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn B.

[7] Lời khai nhận tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[8] Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn S, Vũ Văn V đã phạm Tội cố ý gây thương tích theo Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn S, Vũ Văn V thực hiện tội phạm, dùng hung khí nguy hiểm là kiếm và gậy bóng chày gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn B với tỷ lệ tổn thương là 12%, đã vi phạm điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của con người. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[10] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều

51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vũ Văn V có bố là người có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Văn D sau khi bị cơ quan tiến hành tố tụng ra quyết định truy nã đã ra đầu thú. Do vậy, cần giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn S, Vũ Văn V có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mặt khác các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, do vậy cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử dưới khung hình phạt đối với các bị cáo.

[11] Vụ án có đồng phạm: bị cáo Nguyễn Văn D là người khởi xướng và chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội. Các bị cáo khác tiếp nhận ý chí và cùng thực hiện. Bị cáo Vũ Văn V, Trần Văn S là người giúp sức, chuẩn bị công cụ phương tiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, việc phạm tội mang tính giản đơn, bột phát do mâu thuẫn trong việc làm ăn, Nguyễn Văn D lên huyện Phù Yên tỉnh Sơn La với mục đích thăm gia đình nhà vợ, không có sự chuẩn bị từ trước. Do vậy, cần xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo, cần áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có một tiền sự về hành vi đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn S và Nguyễn Văn T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, thể hiện thái độ coi thường, không chấp hành pháp luật. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D, mặc dù bị cáo có Quyết định truy nã nhưng sau đó bị cáo đã ra đầu thú, theo hướng có lợi cho bị cáo nên không áp dụng và coi tình tiết truy nã là tình tiết tăng nặng áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Đối với bị cáo Vũ Văn V mặc dù có 01 tiền sự, tuy nhiên bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò thứ yếu, không trực tiếp tham gia đánh bị hại, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Do vậy, không cần cách ly các bị cáo Nguyễn Văn D và Vũ Văn V ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ để đảm bảo giáo dục đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng các bị cáo đánh bị hại vô cớ, không có lý do nên việc truy tố các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ là phù hợp. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận là có mâu thuẫn với nhóm của Nguyễn Bá T trong làm ăn và sau khi B bị đánh thì nhóm của D đã bị một số đối tượng đuổi theo để đánh và ném đá làm hỏng xe và gây thương tích cho bị cáo S thể hiện hai nhóm đã có mâu thuẫn với nhau từ trước. Mặt khác, các bị cáo không phải là đối tượng luôn phá rối trật tự trị an, chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, hành vi của các bị cáo không chủ định gây thương tích vào những vùng trọng yếu của cơ thể, bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng súng kiếm mà không dùng lưỡi kiếm nhằm giảm tính sát thương gây ra cho bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo chưa mang tính chất côn đồ theo tình tiết tăng nặng tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[12] Đối với Nguyễn Ngọc Q: Vũ Văn V nhờ Q chở đi tìm Trần Văn S, Q nghe theo nhưng không biết rõ mục đích V mang theo kiếm và phớt. Hành vi của Q không đồng phạm với Vũ Văn V và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý, cần chấp nhận.

[13] Đối với bị hại Nguyễn Văn B: Quá trình xem xét dấu vết trên thân thể chưa xác định được bị vỡ xương bả vai, sau khi chụp X-quang xác định B bị vỡ xương bả vai

nhưng cơ quan tiến hành tố tụng không xác định tỷ lệ thương tật và không đưa vào kết luận giám định là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa Nguyễn Văn B không có yêu cầu, đề nghị gì đối với thương tật xương bả vai, nên không tiến hành xem xét, đánh giá.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn B yêu cầu các bị cáo bồi thường các chi phí khám bệnh, chi phí ăn ở, chi phí giám định và thu nhập thực tế bị mất của bị hại với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Bà Ngô Thị M (mẹ của bị cáo Nguyễn Văn D) đại diện cho gia đình các bị cáo khác đến thăm hỏi và bồi thường cho bị cáo Nguyễn Văn B với số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa, các bị cáo thỏa thuận: bị cáo Nguyễn Văn D bồi thường số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), bị cáo Vũ Văn V bồi thường số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Tại phiên tòa, bà Ngô Thị M yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H hoàn trả cho bà số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), yêu cầu bị cáo Trần Văn S hoàn trả cho bà số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) (bị cáo S đã trả cho bà M 5.000.000 đồng) và yêu cầu bị cáo Vũ Văn V hoàn trả cho bà số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), các bị cáo nhất trí, xét việc thỏa thuận là phù hợp, cần chấp nhận. Bị cáo Nguyễn Văn T đã hoàn trả số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) cho bà M.

[15] Đối với số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) bà Nguyễn Thị C nộp bồi thường thay bị cáo Vũ Văn V; số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) ông Nguyễn An B nộp bồi thường thay bị cáo Trần Văn S; số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) bà Đinh Thị V nộp bồi thường thay bị cáo Nguyễn Văn D và số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) nộp thay bị cáo Nguyễn Văn T tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, các bị cáo đã tự thỏa thuận được mức bồi thường với bà Ngô Thị M và bị hại đã nhận đủ. Do vậy, cần trả lại số tiền trên cho bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn An B và bà Đinh Thị V.

[16] Đối với các vật chứng: 02 thanh kiếm, 01 cây phớ và 01 bình xịt hơi cay, sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội, các bị cáo đã vứt các vật chứng ở trên khu vực ven đường từ thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên đến huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Các bị cáo không xác định được vị trí rõ ràng thuộc khu vực nào, cơ quan điều tra ra Thông báo và tổ chức truy tìm số vật chứng trên nhưng không thu giữ được, cần chấp nhận.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Chervolet Aveo màu đen BKS 98A-094.21, bị cáo Nguyễn Văn D sử dụng để chở các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của bà Ngô Thị M là mẹ đẻ của bị cáo. Việc sử dụng ô tô vào việc phạm tội, bà M không biết nên không có căn cứ điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà M là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với 01 gậy bóng chày là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 vỏ màu đen, kèm theo 01 sim số 0378514100 của bị cáo Nguyễn Văn D và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu đen, kèm theo 01 sim số 0818181599 của bị cáo Trần Văn S. Các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng bạc, kèm theo 01 sim số 0913854599 và 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 vỏ màu đen, kèm theo 01 sim số 0982418599 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[17] Về biện pháp ngăn chặn:

- Cần áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho các bị cáo Nguyễn Văn D và Vũ Văn V nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

- Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn S để bảo đảm công tác thi hành án hình sự.

[18] Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 329 của Bộ luật tố tụng Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Trần Văn S.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn V.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Trần Văn S, Vũ Văn V phạm Tội cố ý gây thương tích.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Hương V, huyện Yên T, tỉnh Bắc G để giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hương V trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 16 (mười sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 19/12/2019).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 16 (mười sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 02/01/2020).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn S 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 19/12/2019).

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2020).

Giao bị cáo Vũ Văn V cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La để giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Phù Yên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585, 586, 587 và 590 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) giữa các bị cáo và bị hại.

Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bà Ngô Thị M, trong đó bị cáo Nguyễn Văn H hoàn trả cho bà số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), bị cáo Trần Văn S hoàn trả cho bà số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và bị cáo Vũ Văn V hoàn trả cho bà Ngô Thị M số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 hộp bìa cát tông được dán kín niêm phong bên trong đựng một chiếc gậy bóng chày bằng kim loại, lớp sơn ngoài màu xám, dài 63,5cm đường vòng đầu gậy 16cm, đầu gậy hơi lồi. Tiếp giáp đầu gậy phát hiện một vết lõm thứ nhất không rõ hình trên diện rộng 4x5cm x 3,5cm, sâu 0,2cm. Cách đầu gậy xuống 17cm phát hiện có vết lõm thứ hai không rõ hình trên diện rộng 7x35cm, sâu 0,4cm. Phần tay cầm bọc bằng dính nhựa màu đen xung quanh dài 13,5cm, đầu nắm tay gậy có núm, đường kính 4,6cm, ở gậy có in dòng chữ WARNING màu trắng trên nền vàng hình chữ nhật. Đường kính vòng tay nắm là 2,7cm. Mặt sau hộp có đầy đủ chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và hai hình tròn dấu đỏ của cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đóng giáp lại;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Nokia kèm 01 sim số 0378514100 và 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại Iphone 7 Plus.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D: 01 phong bì niêm phong bên trong gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 kèm 01 sim số 0913854599; 01 điện thoại Nokia 1280 kèm 01 sim 0982418599.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/003046 ngày 14/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên.

- Trả lại cho ông Nguyễn An B số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/003045 ngày 14/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên.

- Trả lại cho bà Đinh Thị V số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/003047 và số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/003048 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T, Trần Văn S, Vũ Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2020). Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người làm chứng;
- VKSND huyện Phù Yên;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an huyện PY;
- Cơ quan Thi hành án HS;
- Trại TG;
- Sở tư pháp tỉnh SL;
- UBND xã Hương V;
- UBND xã Đông S;
- UBND xã Tân L;
- UBND thị trấn Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Cầm Xuân Thủy**